CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Vật liệu Xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 31/12/2024	21,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.0%	**9.5%**	**12.6%**

DT thuần
Q4/24
225
tỷ VNĐ
QoQ: ▼321| -58.7%
YoY: ▼7.00| -2.9%

LN thuần
Q4/24
13.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.1| -42.3%
YoY: ▼2.00| -12.7%

LN sau thuế
Q4/24
11.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.20| -38.5%
YoY: ▼1.20| -9.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
5.7%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE
2024
19.2%
YoY: +/-▲ 5.3%

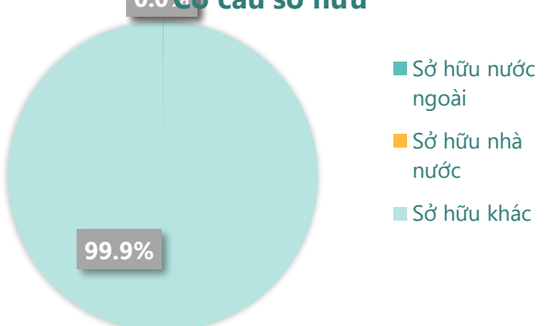
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,676 - 22,593
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	246
Số lượng CPLH (CP)	11,220,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,210
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.40
EPS	4,040
P/E	5.4

DT thuần
2024
1,117
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 157| 16.4%

LN thuần
2024
57.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.8| 34.6%

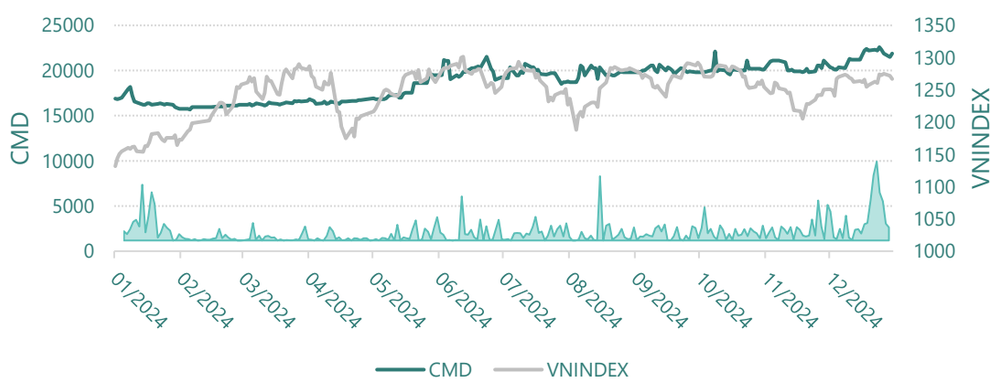
LN sau thuế
2024
45.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.2| 37.0%

Cơ cấu sở hữu

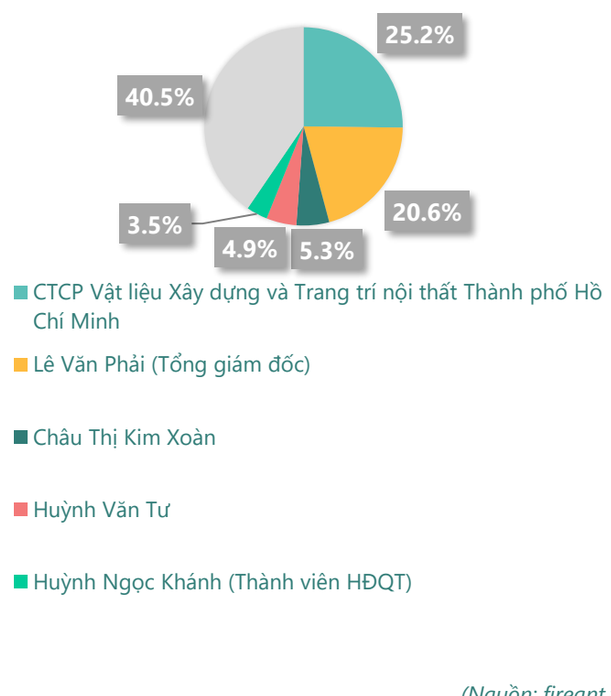


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



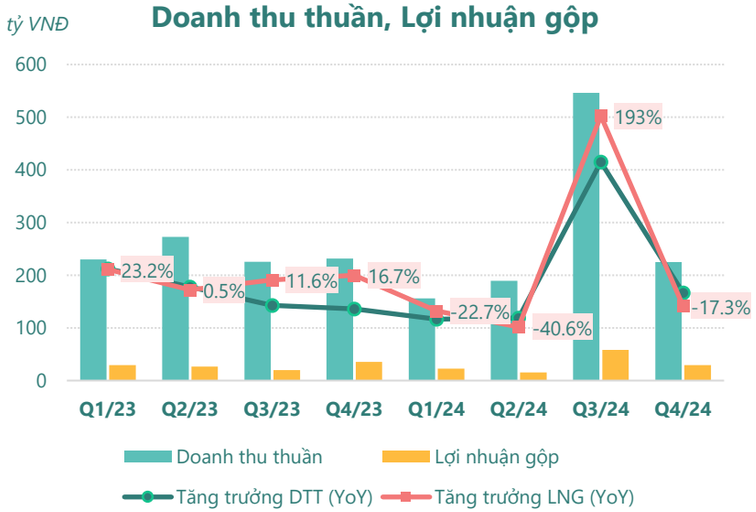
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

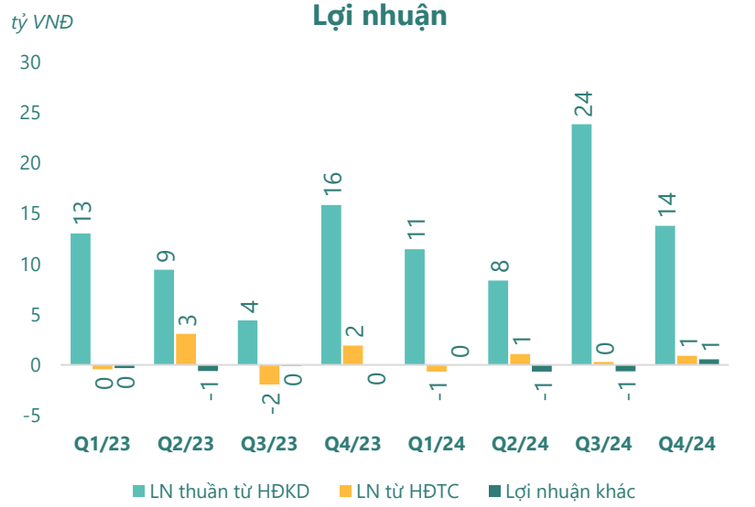
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



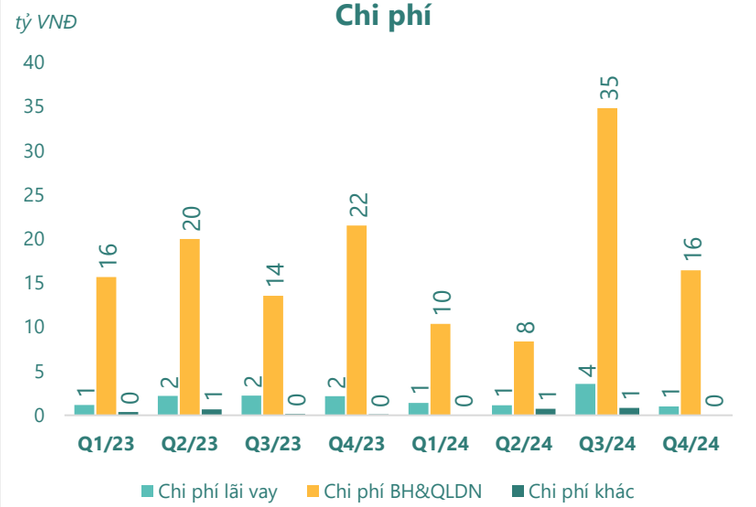
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



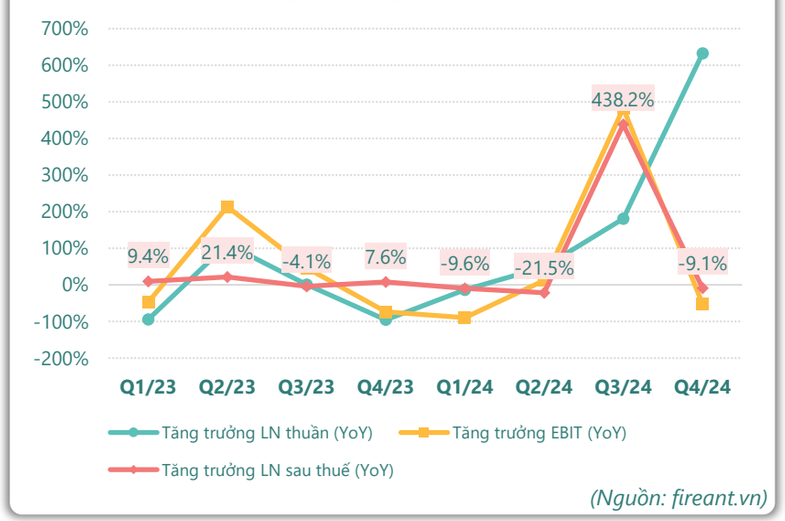
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



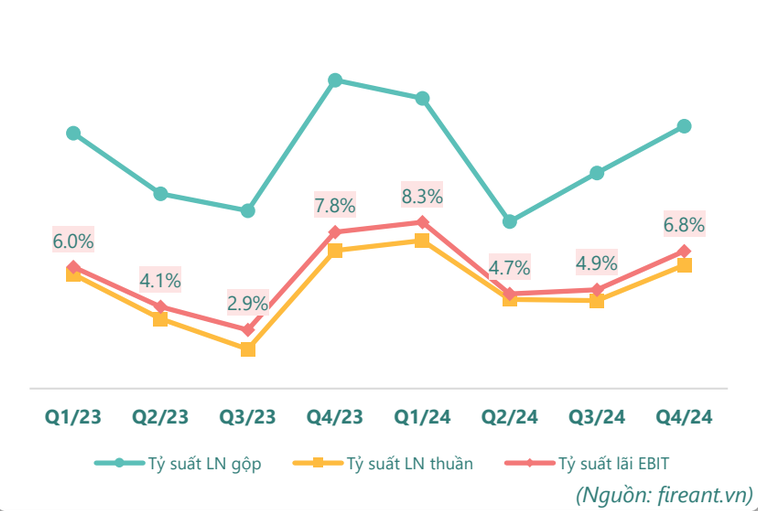
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



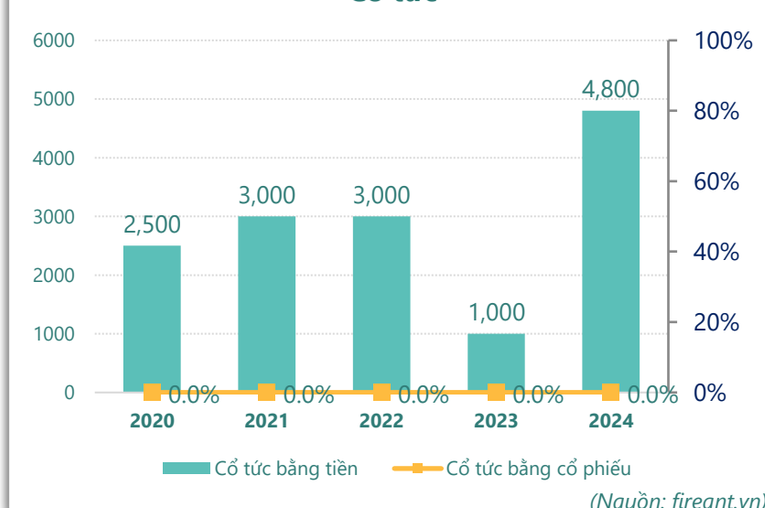
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

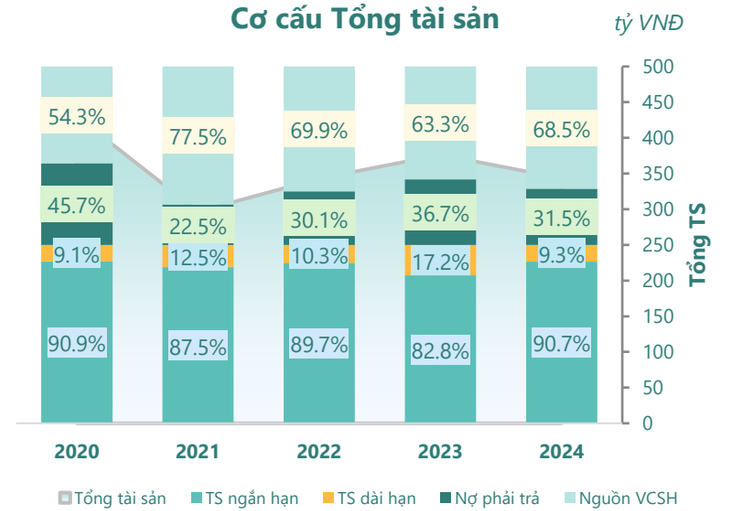
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

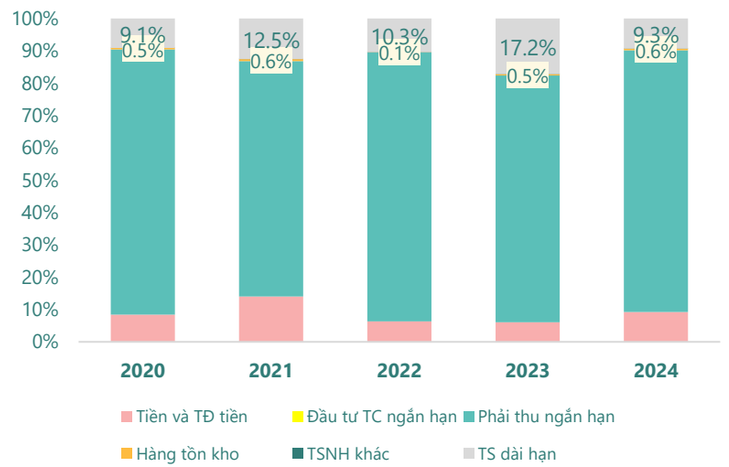
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



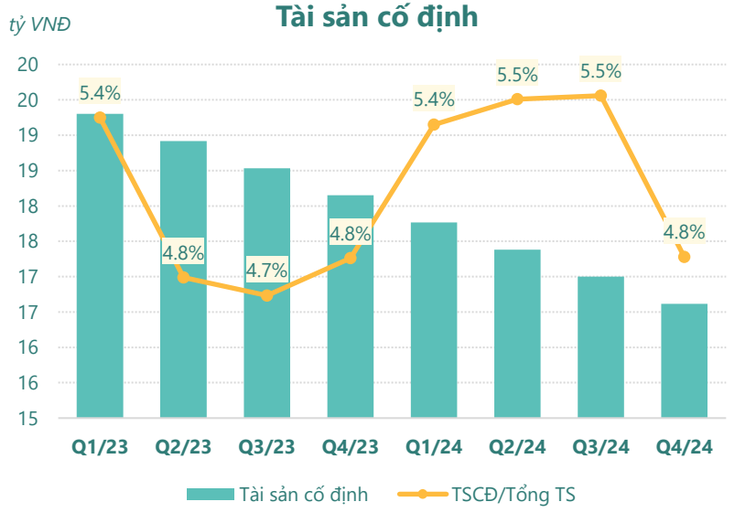
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



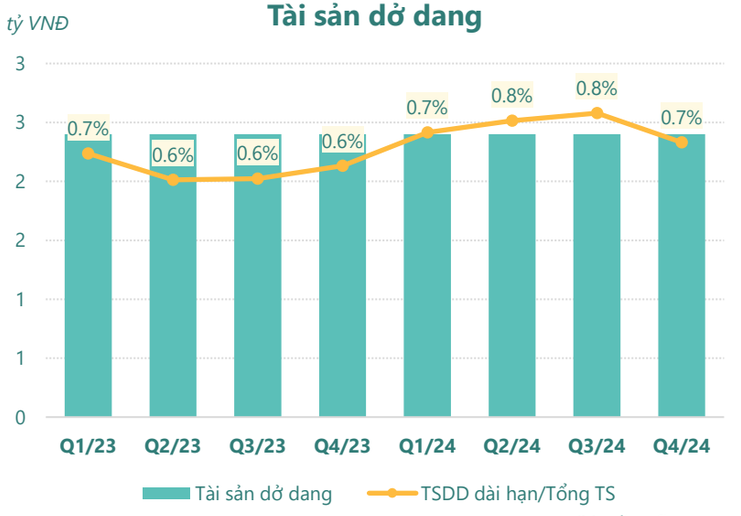
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



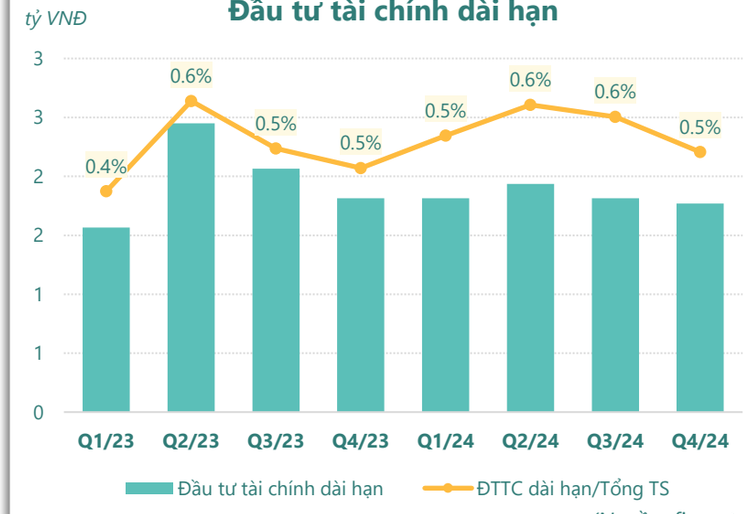
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



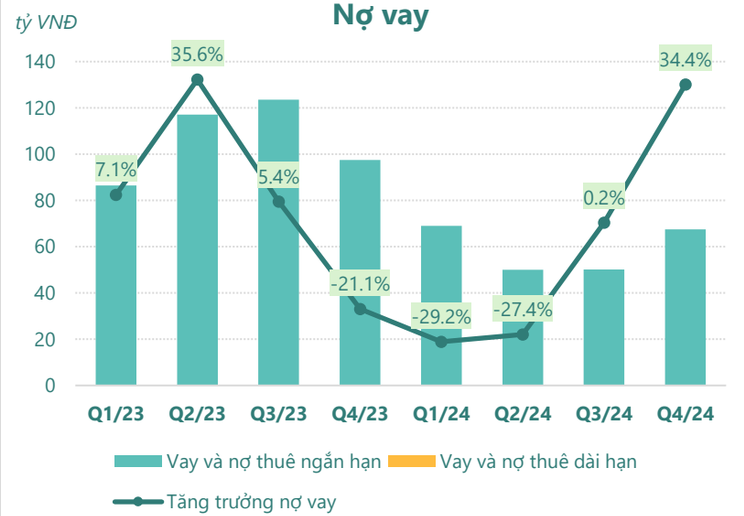
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

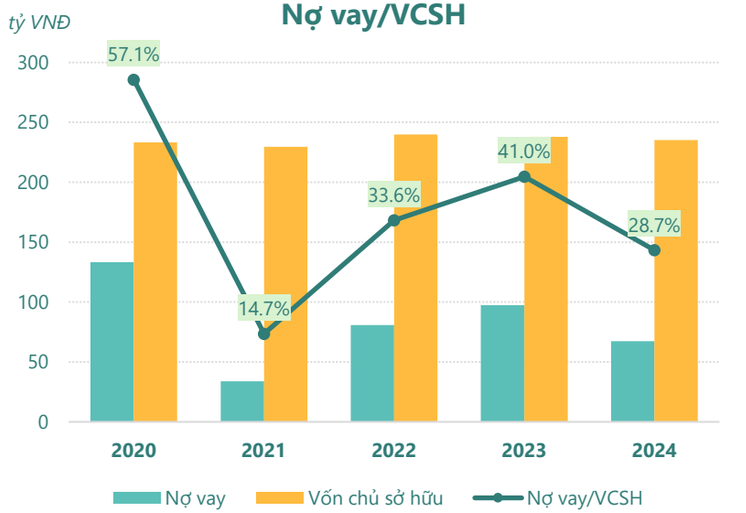
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

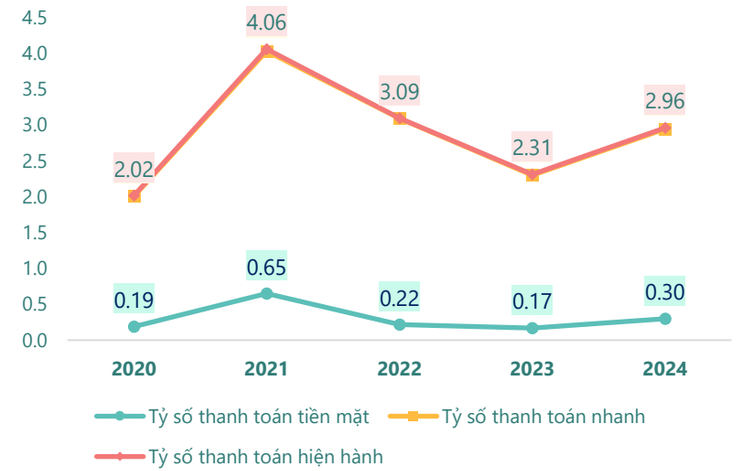
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



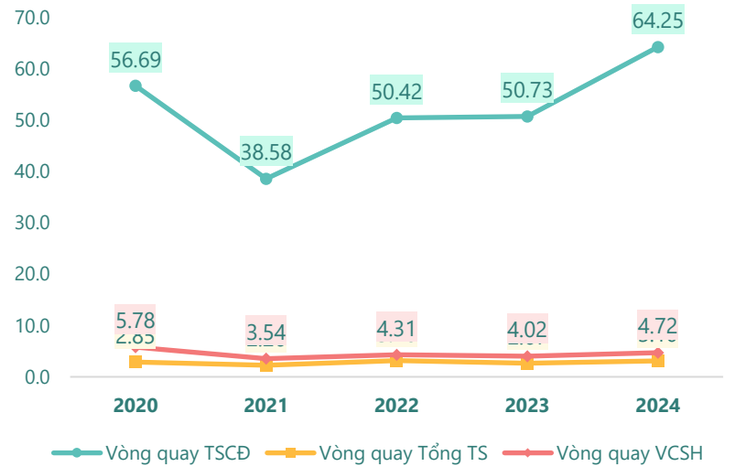
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



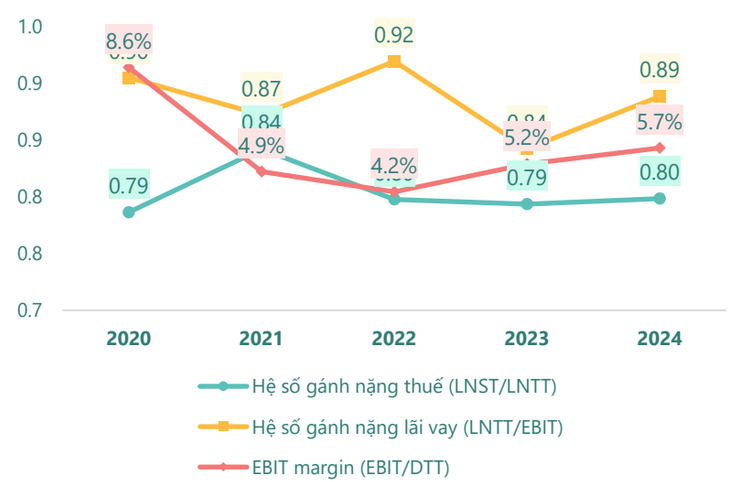
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



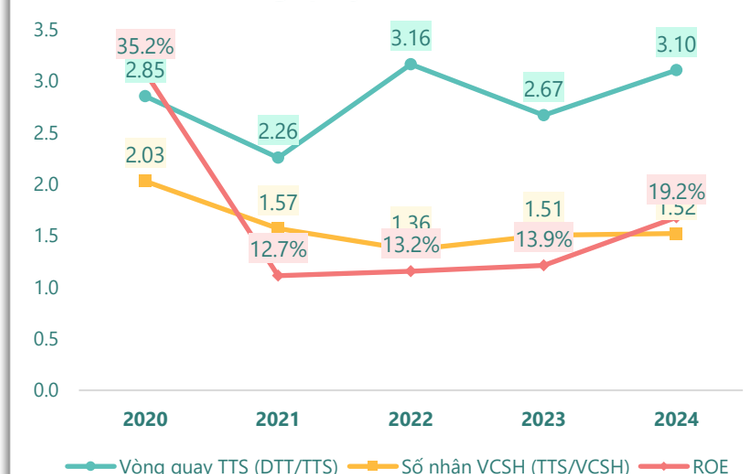
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



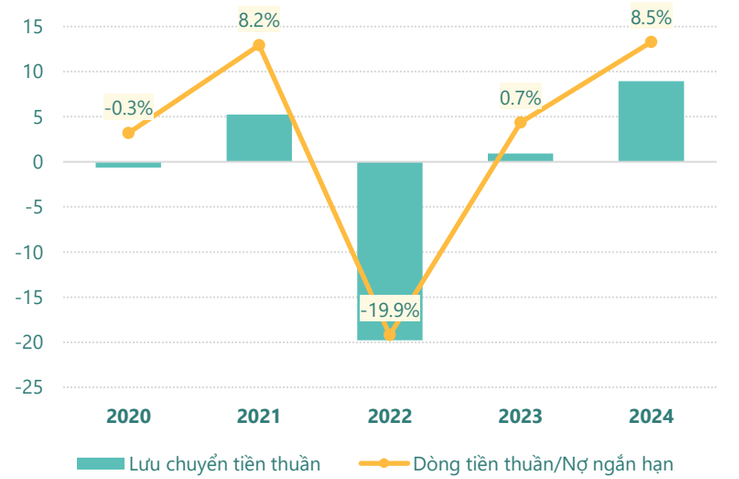
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**225**	**232**	**-2.9%**	**1,117**	**960**	**16.4%**
Giá vốn hàng bán	196	196	0.0%	991	848	16.8%
Lợi nhuận gộp	29.3	35.4	-17.2%	126	111	13.0%
Doanh thu HĐTC	1.96	4.39	-55.4%	8.65	10.2	-15.0%
Chi phí TC	1.06	2.47	-56.9%	7.05	7.55	-6.7%
Chi phí lãi vay	1.02	2.16	-52.8%	7.12	7.80	-8.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.17	11.7	-21.6%	51.0	48.0	6.2%
Chi phí QLDN	**7.25**	**9.79**	**-25.9%**	**19.0**	**23.2**	**-18.3%**
LN thuần từ HĐKD	13.8	15.8	-12.7%	57.5	42.7	34.6%
Lợi nhuận khác	**0.55**	**-0.02**	**2851%**	**-0.73**	**-1.02**	**29.0%**
LN trước thuế	14.3	15.8	-9.3%	56.8	41.7	36.1%
Lợi nhuận sau thuế	**11.4**	**12.6**	**-9.3%**	**45.3**	**33.1**	**37.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.4**	**12.6**	**-9.3%**	**45.3**	**33.1**	**37.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.05	-6.38	45.0	6.53	-1.73	-9.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.1	26.6	0.03	30.0	-8.74	10.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.88	-26.1	-50.9	-18.9	-10.9	17.3
Tiền đầu kỳ	21.2	28.5	22.7	16.8	34.4	13.1
Lưu chuyển tiền thuần	**7.30**	**-5.80**	**-5.89**	**17.6**	**-21.4**	**18.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.5	22.7	16.8	34.4	13.1	31.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**343**	**376**	**-8.7%**
Tài sản ngắn hạn	311	312	0.0%
Tiền và tương đương tiền	31.6	22.7	39.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	278	287	-3.2%
Hàng tồn kho	1.92	1.73	11.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	158%
Tài sản dài hạn	**32.0**	**64.6**	**-50.4%**
Phải thu dài hạn	0.59	30.7	-98.1%
Tài sản cố định	16.6	18.1	-8.5%
Bất động sản đầu tư	9.79	10.3	-4.9%
Tài sản dở dang	2.40	2.40	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.77	1.81	-2.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.84**	**1.19**	**-29.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	138	-21.6%
Nợ ngắn hạn	**105**	**135**	**-22.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.4	97.4	-30.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.20	1.26	394%
Nợ dài hạn	3.14	3.39	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**235**	**238**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**235**	**238**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)